

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Thu Yến**

2. Ông **Từ Ngọc Viễn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 150/2020/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Hoàng M sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 13 ấp Khu Phố, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Chị Điều Thị Hồng V sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 61/6A đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang .

(Anh M có mặt, chị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn đề ngày 12 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Cao Hoàng M trình bày: anh và chị Điều Thị Hồng V kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố M, Tiền Giang. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng đến về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V. Quá trình chung sống anh và chị V có 01 con chung tên Cao Minh T sinh ngày 04/01/2012 hiện đang sống cùng anh. Ly hôn anh M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Thời gian hôn nhân anh và chị V

không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

* Chị Điều Thị Hồng V khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị V không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

* Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị V. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M. Giao cháu Cao Minh T sinh ngày 04/01/2012 anh M nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh M trình bày không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn anh Cao Hoàng M yêu cầu ly hôn với chị Điều Thị Hồng V có hộ khẩu thường trú tại phường 6 thành phố M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ T.

[2]. Tại phiên tòa, chị Điều Thị Hồng V không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập hôn nhân anh M và chị V sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013 chị V đã bỏ về M sống cho đến nay, anh M đã cố gắng liên hệ để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa anh M xác định không còn tình cảm với chị V. Đồng thời khoảng thời gian sống ly thân, cả hai anh chị vẫn chưa thể hàn gắn nên mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung. Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, chị V không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc anh M yêu cầu ly hôn với chị và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân với anh M. Do đó anh M yêu cầu được ly hôn chị V là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Đối với con chung Cao Minh T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2012 đang sống chung với anh M, và anh có yêu cầu được nuôi dưỡng.

Xét thấy, trong thời gian anh M và chị V sống ly thân, cháu T do anh M chăm sóc nuôi dưỡng, cháu được đến trường, có cuộc sống ổn định. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở cho cháu T, giao cháu cho anh M nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Vì vậy, yêu cầu nuôi dưỡng cháu T của anh M là có

cơ sở nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh M có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con nên anh không yêu chị Vân cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản và nợ chung: anh M trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng nên Hội đồng xét xử chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Anh Minh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Cao Hoàng M

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Cao Hoàng M ly hôn với chị Điều Thị Hồng V

Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Minh T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2012 cho anh M nuôi dưỡng. Chị V không cấp dưỡng nuôi con do anh M chưa có yêu cầu.

Không ai được quyền cản trở chị V thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: anh M trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Anh M phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002149 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, như vậy anh đã nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP M;
- UBND phường 6, M, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh